

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 26-01-2024

V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Trọng Cần và bà Trương Thị Đào Vi.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Anh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế:** Ông Lê Xuân Phúc, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (số 11 T, thành phố H) mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 18/2023/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 100/2023/HNGĐ-ST, ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân thành phố H bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 237/2023/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 252/2024/TB-TA ngày 16/01/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị L**, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Ngô Nhật R**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Nguyên đơn chị **Đỗ Thị L** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đỗ Thị L** và anh **Ngô Nhật R** sau thời gian quen biết, tìm hiểu nhau thì tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 03/01/2023. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống với nhau tại nhà bố mẹ anh R tại Thôn A, xã H, thành phố H. Trong quá trình chung sống, từ khi cưới nhau về đã phát sinh mâu thuẫn giữa mẹ chồng nàng dâu, từ đó vợ chồng chị hay xảy ra cãi vã. Vào ngày 16/3/2023, mẹ chồng đuổi chị L ra khỏi nhà nên chị L đã về nhà mẹ đẻ để sinh sống, và ly thân với anh R từ đó cho đến nay. Đến nay, anh R không còn quan tâm, liên lạc gì với chị. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh R.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Ngô Đỗ Linh Đ, sinh ngày 09/10/2022. Nguyên vọng của chị L muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ và yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn - anh Ngô Nhật R trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình kết hôn đúng như chị L trình bày. Quá trình chung sống thì anh R thấy không có gì mâu thuẫn, chỉ là con dâu mẹ chồng có lời qua tiếng lại, vợ chồng cũng có xảy ra cãi vã, đó là chuyện bình thường trong cuộc sống gia đình nên anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ, cùng nuôi dạy con cái.

Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Ngô Đỗ Linh Đ, sinh ngày 09/10/2022, hiện cháu Đg ở với anh R, anh và mẹ anh chăm sóc cháu. Nếu ly hôn, anh R có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng anh chị cũng không có tài sản chung hay nợ chung gì như chị L trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp nuôi con, rút một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 100/2023/HNGĐ-ST ngày 06/9/2023, Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị L được ly hôn với anh Ngô Nhật R.

- Về con chung: Giao cháu Ngô Đỗ Linh Đ, sinh ngày 09/10/2022 cho chị Đỗ Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến thành niên (đủ 18 tuổi). Anh R không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đỗ Thị L và anh Ngô Nhật R khai không có nên Tòa án không giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

Ngày 13/9/2023, anh Ngô Nhật R có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị L và không chấp nhận giao con chung là cháu Ngô Đỗ Linh Đ cho chị Đỗ Thị L nuôi dưỡng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu ý kiến: Về tố tụng, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm gì cần phải kiến nghị, khắc phục. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244; khoản 1, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Ngô Nhật

R; sửa bản án sơ thẩm đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn chị Đỗ Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có đơn kháng cáo trong hạn luật định; đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, phù hợp với quy định tại các Điều 272, 273, 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của anh Ngô Nhật R, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh R có thời gian tìm hiểu, quen biết và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 03/01/2023 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau tại nhà bố mẹ anh R một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn giữa con dâu và mẹ chồng, dẫn đến mâu thuẫn giữa chị L và anh R. Vào ngày 16/3/2023, chị L bị mẹ chồng đuổi ra khỏi nhà nên chị L đã về nhà mẹ đẻ để sinh sống. Kể từ đó đến nay vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, chị L đã đồng ý rút đơn khởi kiện với điều kiện anh R đưa con về thăm bố của chị L Đg ốm nặng, sau đó vợ chồng cùng nhau tạo lập nơi ở mới để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh R đã không thực hiện nên chị L đã tiếp tục khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Quá trình xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ anh R. Đến tháng 3/2023, chị L không còn sinh sống tại địa phương, để lại con cho gia đình anh R chăm sóc.

Như vậy, chị L và anh R hiện nay mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau nữa, anh R không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên hôn nhân vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh R là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị Đỗ Thị L, anh Ngô Nhật R xác nhận có 01 chung, cháu tên Ngô Đỗ Linh Đ, sinh ngày 09/10/2022, hiện cháu Đ ở với anh R. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy: Tại thời điểm chị L bỏ đi, chị L muốn mang con theo nhưng gia đình anh R đã ngăn cản, không cho chị mang cháu Linh Đ đi. Sau thời điểm đó, chị L và mẹ ruột có trở về nhà anh R xin gia đình anh R được đem cháu Đ về chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng gia đình anh R vẫn không đồng ý. Do đó, việc anh R cho rằng chị L đã bỏ bê con cái, không quan tâm con cái và không có tư cách nuôi dưỡng cháu Đ là không có cơ sở.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì: “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ*

điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng...”, cháu Đ lại là con gái. Mặt khác, chị L làm công nhân ở Khu công nghiệp Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, có lương thu nhập 6.000.000 đồng/tháng, có mẹ ruột phụ giúp trong việc chăm cháu. Do đó, để đảm bảo quyền L về mọi mặt cho con chung sau khi ly hôn, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc anh R phải giao cháu Linh Đ cho chị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không đưa ra được căn cứ để níu kéo, hàn gắn, khắc phục được tình trạng hôn nhân cũng như chứng minh được việc nguyên đơn không có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Ngô Nhật R.

[3] Ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Đỗ Thị L đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không quyết định đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này là thiếu sót và không đúng quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần sửa một phần bản án sơ thẩm để bổ sung về phần này cho phù hợp quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Ngô Nhật R và cần sửa một phần Bản án sơ thẩm để bổ sung việc đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như ý kiến đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tại phiên tòa là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Ngô Nhật R phải chịu theo luật định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148; khoản 1, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Ngô Nhật R, giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 100/2023/HNGĐ-ST ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế về việc xin ly hôn và nuôi con khi ly hôn.

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị L được ly hôn với anh Ngô Nhật R.

- Về con chung: Giao cháu Ngô Đỗ Linh Đ, sinh ngày 09/10/2022 cho chị Đỗ Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến thành niên (đủ 18 tuổi). Anh R không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đỗ Thị L và anh Ngô Nhật R khai không có nên Tòa án không giải quyết.

2. Sửa để bổ sung một phần quyết định của bản án sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị L đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị L phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0005833 ngày 18/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Ngô Nhật R phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu số 0006580 ngày 25/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC ĐN;
- VKSND tỉnh TT- Huế;
- TAND TP-Huế;
- Chi cục THADS TP-Huế;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, Tòa DS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Thái Thị Hồng Vân